

Số: 609/2019/QĐHNGB-ST

Thủ Đức, ngày 05 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ**  
**SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 267/2019/TLST/HNST ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa:

*Người yêu cầu:* Ông Nguyễn Tuấn Đ, sinh năm 1975

Địa chỉ: đường X, khu phố Y, phường T, quận T

*Người yêu cầu:* Bà Lê Thị Phương K, sinh năm 1983

Địa chỉ: đường X, khu phố Y, phường T, quận T

Căn cứ các Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/5/2019.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K (đã kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số X/2008 Quyển số 02 ngày 20/11/2008 tại UBND phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh).

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K có 02 con chung tên Nguyễn Phương Đ, sinh ngày 10/9/2010 và Nguyễn Ngọc Phương V, sinh ngày 18/5/2012. Ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K thống nhất giao 02 con chung cho ông Nguyễn Tuấn Đ nuôi dưỡng, bà Lê Thị Phương K cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con mỗi tháng 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng đến khi mỗi con lần lượt trưởng thành.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Về tài sản chung: Ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về nợ chung: Ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K tự khai không có.

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí, ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0023836 ngày 20/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, ông Nguyễn Tuấn Đ, bà Lê Thị Phương K đã nộp đủ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**Nơi nhận:**

- Toà án ND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Tôn Trung Tuấn**